



**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày 14-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 178/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thị N; sinh ngày 15 tháng 7 năm 1991 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Liễu Nội, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đại D sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị C sinh năm 1974; có chồng là Vũ Đình B (đã ly hôn) và 02 con; tiền án tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2021 đến nay. Có mặt.

Vũ Quốc V; sinh ngày 16 tháng 11 năm 1988 tại Hưng Yên; Nơi cư trú: Số 46 đường Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu K sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1963; có vợ là Lại Thị Mai A sinh năm 1988 và 02 con; tiền án tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2021 đến nay. Có mặt.

Hoàng Thanh T; sinh ngày 14 tháng 5 năm 1986 tại Hải Dương; Nơi cư trú: Khu 2 thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T sinh năm 1962 và bà

Nguyễn Thị H sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị H sinh năm 1990 và 02 con; tiền án tiền sự, nhân thân: không; Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2021 đến nay. Có mặt.

Những người làm chứng:

Anh Nguyễn Tuấn V, chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn L. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 8/2020, Nguyễn Thị N liên hệ với Phạm Văn L, sinh năm 1988, nơi cư trú: Khu 3, Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nhờ Lương tìm nguồn hàng là phụ kiện cửa kính có xuất xứ Trung Quốc để mua về bán. Lương đồng ý và giới thiệu cho Nhung một người nam giới Trung Quốc tên Kiên (không rõ địa chỉ) để Nhung giao dịch mua hàng. Vì biết tiếng Trung Quốc nên Lương nhận làm người phiên dịch cho hai bên. Sau khi thống nhất số lượng hàng hóa, giá cả với Kiên (bên bán), Nhung chuyển cho Lương danh sách cụ thể số mặt hàng mình cần mua để cho bên bán chuyển hàng.

Để đưa được số hàng hóa đã mua từ Trung Quốc về Việt Nam, Nhung thuê Vũ Quốc V, Hoàng Thanh T là nhân viên của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hải Kiên (viết tắt Công ty Hải Kiên) có địa chỉ: Đội 5, thôn Khê Nữ, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, làm dịch vụ nhập khẩu lô hàng và bảo Việt liên hệ trực tiếp với Lương để làm thủ tục. Việt cung cấp cho Lương bên nhận hàng là Công ty Hải Kiên để phía Trung Quốc gửi hàng. Sau khi đóng hàng xong, bên bán gửi cho Công ty Hải Kiên một danh sách hàng hóa (dạng file Excel), trong đó có 14 chủng loại hàng kèm theo số lượng theo từng loại đóng trong container. Cụ thể về số lượng, chủng loại gồm: Bản lề bật dùng cho tủ quần áo, tủ bếp: 128.000 chiếc (gồm 04 loại); Tay nắm tủ quần áo, tủ bếp: 165.000 chiếc (02 loại); Bản lề sàn dùng cho cửa kính: 880 chiếc; Tay nắm cửa kép: 1.140 chiếc (05 loại); Pittong đẩy cánh tủ: 16.500 chiếc; Bánh xe treo cửa lùa: 72.000 chiếc (trong danh sách hàng hóa này không thể hiện tem nhãn hàng hóa). Nhận được danh sách hàng hóa của bên Trung Quốc do Việt chuyển, Tùng đã dự tính tiền thuế nhập khẩu cho lô hàng là khoảng 160 triệu đồng. Tùng báo cho Việt để Việt báo lại cho Nhung, nhưng thấy số tiền thuế cao nên Nhung đã nói với Việt và Tùng phải khai báo tờ khai hải quan số lượng hàng ít hơn số hàng đã nhập để số tiền thuế phải nộp chỉ trong khoảng 60.000.000 đồng trở xuống. Sau khi thống nhất với Nhung và Việt, Tùng trực tiếp lập tờ khai hải quan với số lượng hàng hóa cụ thể:

- Bản lề bật dùng cho tủ quần áo, tủ bếp bằng thép không gỉ, không model, không hiệu, hàng mới 100%: 45.000 chiếc.

- Tay nắm tủ quần áo, tủ bếp bằng hợp kim nhôm, không hiệu hàng mới 100%: 75.000 chiếc.

- Bản lề sàn dùng cho cửa kính bằng thép không gỉ, không model hàng mới 100%: 880 chiếc.

- Tay nắm cửa kép bằng inox+nhựa (2 chiếc/bộ) không hiệu, hàng mới 100%: 1.140 chiếc.

- Chốt giữ sập cánh cửa, cánh tủ bằng sắt mạ không model, hàng mới 100%: 16.500 chiếc.

- Bánh xe treo cửa lùa loại 4 bánh kép, khung sắt mạ crom không model, không hiệu, hàng mới 100%: 55.000 chiếc.

Với số lượng hàng hóa đã khai như trên thì số thuế nhập khẩu phải nộp là 58.515.294 đồng. Nhưng đã chuyển 58.515.294 đồng cho Việt đi nộp thuế để nhập khẩu lô hàng về Việt Nam.

Ngày 21/10/2020, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng tiến hành kiểm tra thực tế lô hàng theo tờ khai số 103574318151/A11 ngày 05/10/2020 của Công ty Hải Kiên, quá trình kiểm đếm thực tế xác định:

- Bản lề bật: 127.400 chiếc (khai báo hải quan thiếu 82.400 chiếc).

- Tay nắm tủ: 88.000 chiếc (khai báo hải quan thiếu 13.000 chiếc).

- Bản lề sập: 880 chiếc (bằng lượng khai báo hải quan).

- Tay nắm cửa: 1.090 chiếc (khai thừa 50 chiếc).

- Chốt giữ sập cánh cửa, cánh tủ: 14.200 chiếc (khai thừa 2.300 chiếc).

- Bánh xe treo cửa lùa: 2.240 chiếc (khai thừa 52.760 chiếc).

Ngoài ra, quá trình kiểm đếm còn phát sinh 02 loại hàng hóa không có trong khai báo hải quan gồm: Núm kéo ngăn bàn, tủ: 83.000 chiếc; Phụ kiện bản lề, cửa tủ: 4.800 chiếc.

Tại kết luận định giá số 14/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Hải Phòng kết luận: 13.000 tay nắm cửa có giá trị 14.430.000 đồng (tính giá thấp nhất); 82.400 bản lề bật có giá trị 356.296.000 đồng (tính giá thấp nhất). Tổng giá trị của 82.400 bản lề bật và 13.000 tay nắm cửa trị giá 370.726.000 đồng (Bút lục: 110-113).

Tại bản cáo trạng số 177/CT-VKS-P2 ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T về tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa;

Bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo lần đầu kinh doanh nên thiếu hiểu biết. Bị cáo đã liên hệ đặt mua hàng với một nam giới tên Kiên người Trung Quốc và nhờ Phạm Văn L làm phiên dịch. Sau khi thống nhất số lượng hàng hóa, bị cáo đã nhờ Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T làm thủ tục nhập lô hàng về Việt Nam. Bị cáo đã chỉ đạo Việt và Tùng khai báo số lượng hàng hóa ít hơn thực tế để giảm tiền thuế nhập khẩu. Bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền là hình phạt chính để được cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo có đủ điều kiện kinh tế để nộp phạt.

Các bị cáo Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T thống nhất khai nhận:

Các bị cáo được Nguyễn Thị N thuê làm dịch vụ nhập lô hàng từ Trung Quốc về Việt Nam. Nhưng chỉ đạo các bị cáo khai báo số lượng hàng hóa ít hơn thực tế nhằm giảm số tiền thuế nhập khẩu. Mặc dù biết hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vì được Nhung thuê trả công nên các bị cáo vẫn thực hiện. Thực tế các bị cáo đều chưa nhận được tiền công từ Nhung. Các bị cáo đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng hình phạt tiền là hình phạt chính. Các bị cáo có đủ điều kiện kinh tế để nộp phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Nguyễn Thị N dưới sự giúp sức của Vũ Quốc V, Hoàng Thanh T lấy tư cách pháp nhân của Công ty Hải Kiên nhập khẩu lô hàng là phụ kiện cửa kính gồm: Bản lề bật, bản lề sàn; bánh xe cửa lùa; tay nắm cửa; bánh xe treo cửa lùa; chốt giữ sập cánh cửa, cánh tủ từ Trung Quốc về Việt Nam để bán. Bị cáo Nhung đã chỉ đạo Việt và Tùng khai báo hàng hóa ít đi so với thực tế nhằm giảm thuế nhập khẩu. Thực hiện theo chỉ đạo của Nhung, Tùng và Việt đã lập tờ khai hải quan khai thiếu 82.400 chiếc bản lề bật và 13.000 chiếc tay nắm cửa có tổng trị giá 370.726.000 đồng để giảm số tiền thuế nhập khẩu phải nộp. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 320.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng tội Buôn lậu.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Quốc V từ 300.000.000 đồng đến 320.000.000 đồng về tội Buôn lậu.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T từ 300.000.000 đồng đến 320.000.000 đồng về tội Buôn lậu.

Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đề nghị theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Căn cứ lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Ngày 05/10/2020, tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ, Hải Phòng, Nguyễn Thị N dưới sự giúp sức của Vũ Quốc V, Hoàng Thanh T đã lấy tư cách pháp nhân của Công ty Hải Kiên nhập khẩu lô hàng là phụ kiện cửa kính gồm: Bản lề bật, bản lề sàn; bánh xe cửa lùa; tay nắm cửa; bánh xe treo cửa lùa; chốt giữ sập cánh cửa, cánh tủ từ Trung Quốc về Việt Nam để bán. Quá trình khai báo tờ khai hải quan, Nguyễn Thị N đã thuê Vũ Quốc V, Hoàng Thanh T nhập khẩu lô hàng với thỏa thuận thống nhất khai số thuế phải nộp chỉ khoảng 60 triệu đồng trở xuống. Thực hiện thỏa thuận nêu trên, Tùng và Việt đã lập tờ khai hải quan khai thiếu 82.400 chiếc bản lề bật và 13.000 chiếc tay nắm cửa có tổng trị giá 370.726.000 đồng để giảm số tiền thuế nhập khẩu phải nộp. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T đã đồng phạm tội “Buôn lậu” vi phạm Điều 188 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, làm suy giảm ngân sách đồng thời ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế của nước ta. Vì vậy, cần xét xử nghiêm để răn đe, trừng trị bị cáo và góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] *Về tình tiết định khung:* Số lượng hàng hóa các bị cáo đã khai thiếu nhằm trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế bao gồm 82.400 chiếc bản lề bật và 13.000 chiếc tay nắm cửa. Theo kết luận định giá số 14/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Hải Phòng kết luận: 13.000 tay nắm cửa có giá trị 14.430.000 đồng (tính giá thấp nhất); 82.400 bản lề bật có giá trị 356.296.000 đồng (tính giá thấp nhất). Tổng giá trị của 82.400 bản lề bật và 13.000 tay nắm cửa trị giá 370.726.000 đồng. Như vậy hành vi phạm tội của các bị cáo vi phạm tình tiết định khung tăng nặng “Vật phạm pháp có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 188 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Về vai trò của các bị cáo:

[5] Trong vụ án có đồng phạm, tuy nhiên vai trò của các bị cáo là khác nhau. Cụ thể, bị cáo Nguyễn Thị N là người trực tiếp liên hệ tìm nguồn hàng, là người thuê Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T là nhân viên của Công ty Cổ phần thương mại đầu tư Hải Kiên làm dịch vụ nhập khẩu lô hàng với thỏa thuận số tiền thuế phải nộp chỉ khoảng 60.000.000 đồng trở xuống. Sau khi thống nhất,

mặc dù biết việc khai báo giảm số lượng hàng hóa là vi phạm pháp luật nhưng Việt, Tùng vẫn trực tiếp làm thủ tục nhập khẩu lô hàng. Tùng là người trực tiếp lập tờ khai hải quan với số lượng hàng hóa cụ thể thiếu so với thực tế nhằm giảm số tiền thuế xuống còn khoảng 60.000.000 đồng. Như vậy, Nguyễn Thị N là người có vai trò chính trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T.

[6] Các bị cáo Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị N thực hiện hành vi Buôn lậu. Mặc dù biết việc khai báo tờ khai hải quan số lượng không đúng với hàng hóa nhập khẩu là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Vũ Quốc V, Hoàng Thanh T là người làm thuê và đều chưa được nhận tiền công do Nhung trả. Như vậy, các bị cáo Việt và Tùng có vai trò ngang nhau trong vụ án nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau và thấp hơn bị cáo Nguyễn Thị N.

Về hình phạt:

[7] Các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T nhân thân đều chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nghề nghiệp ổn định, có đủ khả năng về kinh tế nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là phù hợp, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

[9] Đối với 127.400 chiếc bản lề bật trong đó có 121.400 chiếc nhãn hiệu Blumk, công ty Hải Kiên không được các chủ sở hữu nhãn hiệu ủy quyền phân phối ra thị trường. Số hàng trên là hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, không được ủy quyền phân phối ra thị trường nên cần tịch thu tiêu hủy đối với 121.400 chiếc bản lề bật (trong đó có 82.400 chiếc các bị cáo khai báo thiếu). Đối với 6.000 chiếc bản lề bật nhãn hiệu Hafele còn lại đã được các bị cáo khai báo và nộp thuế đầy đủ nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N.

[10] Đối với 88.000 chiếc tay nắm tủ trong đó có 13.000 chiếc các bị cáo khai báo thiếu nên cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước đối với 13.000 chiếc. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 75.000 chiếc tay nắm tủ còn lại.

[11] Đối với 880 chiếc bản lề sàn các bị cáo đã khai báo Hải quan đúng số lượng. Tuy nhiên các bản lề sàn này sản xuất ở Trung Quốc nhưng dập in chữ Made in Thailand và có dán tem chống hàng giả của Bộ Công An. Danh sách hàng hóa không thể hiện có tem, nhãn dán trên sản phẩm. Số hàng này có dấu hiệu là hàng giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 1.090 chiếc tay nắm cửa, 14.200 chiếc tay đẩy giữ sập cánh cửa các bị cáo đã khai báo Hải quan và nộp thuế vì vậy đây là số hàng hóa hợp pháp nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N.

[13] Đối với 2.240 bánh xe treo cửa lùa nhãn hiệu VVP, mặc dù các bị cáo đã khai báo và nộp thuế, tuy nhiên công ty Hải Kiên không được chủ sở hữu nhãn hiệu ủy quyền phân phối ra thị trường nên cần tịch thu tiêu hủy.

[14] Đối với 4.800 chiếc phụ kiện bản lề, 83.000 núm kéo ngăn bàn là hàng hóa không có trong danh sách khai báo hải quan để nộp thuế của công ty Hải Kiên nên cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước.

[15] Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max của bị cáo Nguyễn Thị N và 01 sim điện thoại là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc, chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước.

[16] *Về án phí*: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[18] Đối với Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Thị T là Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty Hải Kiên và Phạm Văn L quá trình điều tra xác định các đối tượng này không bàn bạc, thống nhất với các bị can về việc buôn lậu số hàng trên nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng về tội Buôn lậu. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Quốc V 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng về tội Buôn lậu. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thanh T số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng về tội Buôn lậu. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

4. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với 121.400 chiếc bản lề bật (trong đó có 82.400 chiếc các bị cáo khai báo thiếu); 880 chiếc bản lề sản xuất in chữ Made in

Thailand và có dán tem chống hàng giả của Bộ Công An; 2.240 bánh xe treo cửa lửa nhãn hiệu VVP;

Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước đối với 13.000 chiếc tay nắm tủ; 4.800 chiếc phụ kiện bản lề; 83.000 núm kéo ngăn bàn; 01 chiếc điện thoại Iphone XS Max màu vàng cũ đã qua sử dụng, số máy MT6LT2LL/A, seri F2LX7NS9KPHJ và 01 sim điện thoại;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N 6.000 chiếc bản lề bất nhãn hiệu Hafele; 75.000 chiếc tay nắm tủ; 1.090 chiếc tay nắm cửa; 14.200 chiếc tay đẩy giữ sập cánh cửa.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 10/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

5. *Về án phí*: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Quốc V và Hoàng Thanh T mỗi người phải nộp tiền số tiền 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 61; Điều 62; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Bình